

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2019
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thừa.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 1. Ông Trần Hải Bình.
 2. Ông Võ Văn Công.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Chánh – kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Thế T, sinh năm: 1970 (có mặt);
Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
2. ***Bị đơn:*** Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1976 (có mặt);
Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thế T trình bày:

Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/HT Quyền số I/2002, ngày 07 tháng 7 năm 2002. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T không thông cảm cho anh khi anh sống bên vợ mà hay nghe lời

người này người kia nghi ngờ anh có tình cảm với người khác; không những vậy lúc nào nhà có khách chị T cũng nói xấu chồng nên vợ chồng thường hay cãi nhau, trong lúc cãi nhau chị T có nói lời đui anh đi, và đem đồ của anh trong tủ đem ra ngoài, anh cảm thấy bị xúc phạm, cảm thấy bị chạm đến lòng tự trọng của mình nên cách đây khoảng 02 tháng anh đã về nhà bên mẹ ruột (cùng xã) sinh sống và ly thân cho đến nay.

Nay tình cảm không còn anh T yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 10/12/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Quang T, sinh ngày 14/10/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 02/9/2010, hiện nay các con đang sống với chung với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản ghi lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Tôi còn thương chồng thương con rất nhiều tôi không muốn ly hôn. Vì không đồng ý ly hôn nên mọi vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung tôi không đề cập đến.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thế T.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T có đơn khởi kiện đối với chị T. Bị đơn chị T có địa chỉ tại xã L, thị xã G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T xin ly hôn với chị T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Anh T và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/HT Quyền số I/2002, ngày 07 tháng 7 năm 2002 nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm

2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T không thông cảm cho anh, khi anh sống bên vợ mà hay nghe lời người này người kia nghi ngờ anh có tình cảm với người khác; không những vậy lúc nào nhà có khách chị T cũng nói xấu chồng nên vợ chồng thường hay cãi nhau, trong lúc cãi nhau chị T có nói lời đuổi anh đi, và đem đồ của anh trong tủ đem ra ngoài nên anh cảm thấy bị xúc phạm, cách đây khoảng 02 tháng anh đã về nhà bên mẹ ruột (cùng xã) sinh sống và ly thân cho đến nay. Chị T không đồng ý ly hôn với anh T vì chị cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, các con còn nhỏ chị không muốn ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị T. Theo biên bản xác minh ngày 20/02/2019 xác định hiện nay anh T và chị T chỉ mới ly thê được 01 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh T là những mâu thuẫn nhỏ thường xuyên xảy ra trong cuộc sống vợ chồng, nên tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T chưa đến mức trầm trọng. Lẽ ra đối với bản thân anh T nếu có mâu thuẫn trong gia đình xảy ra anh phải cùng với chị T tìm hiểu rõ nguyên nhân để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh không làm được điều đó mà lại xin ly hôn với chị T, mặc dù tình cảm của chị T đối với anh T vẫn còn, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị có nhiều khả năng để hàn gắn. Tại phiên tòa chị T thiết tha yêu cầu đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung. Đây chính là nguyện vọng chính đáng của chị T phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Hơn nữa việc ly hôn giữa chị T và anh T chưa được gia đình hai bên và chính quyền cơ sở hoà giải, thời gian vợ chồng ly thân với nhau chưa lâu có thể hàn gắn.

Từ những phân tích trên cho thấy lý do yêu cầu ly hôn của anh T là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Thế T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế T về việc ly hôn với chị Trần Thị Mỹ T.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Thế T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 42941 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Trần Thị Mỹ T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã Long Hưng, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa